TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 30 – 9 – 2022.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Thắm

2. Ông Hồ Thanh Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Ông Lê Thanh Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2022/TL.ST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 71A/2022/QĐST-DS ngày 21/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nh; Địa chỉ: Ấp 5B, xã Tân H, huyện C, tỉnh H. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L; Địa chỉ cư trú: Ấp 5B, xã Tân H, huyện C, tỉnh H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Trước đây, bà và ông L tự nguyện tiến tới hôn nhân, sống chung với nhau từ năm 1995, có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận, huyện Châu Thành A, tỉnh Cần Thơ (nay là xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang) vào ngày 29/8/2002. Cuộc sống vợ chồng trước đây hòa thuận, hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tính hai bên không còn hợp nhau, cuộc sống hôn nhân thường xuyên xảy ra xung đột, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được. Bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Bà và ông L có 02 người con chung tên Nguyễn Văn C (nam), sinh ngày: 12/3/1996 và Nguyễn Minh Kh (nam), sinh ngày: 06/5/2000, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyên Văn L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có ý kiến.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nh và ông L.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51; Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà Nh và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Nh được ly hôn với ông Nguyễn Văn L; Về con chung: đã trưởng thành nên không giải quyết. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Nh nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Châu Thành A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã tiến hành mời bị đơn ông Nguyễn Văn L lên để tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ nhằm hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa bà Nh và ông Lớn, nhưng ông L vẫn vắng mặt, không lý do. Tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông L tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng ông L vẫn cố tình vắng mặt, không lý do. Bà Nh có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Nh và ông Lớn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Văn L xác lập quan hệ hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận, huyện Châu Thành A, tỉnh Cần Thơ (nay là xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang) vào năm 2002 nên hôn nhân giữa bà Nh và ông L được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa bà Nh và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà Nh yêu cầu được ly hôn với ông Lớn. Phía bị đơn ông L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà Nh và ông L nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, ông L không còn thương yêu quan tâm chăm sóc bà Nhung. Bà Nh cũng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng ông L vẫn không thay đổi, không cùng nhau vun đắp cho hạnh phúc gia đình. Điều này khiến cuộc sống hôn nhân của ông bà thường xuyên xảy ra xung đột, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, khiến mâu thuẫn hôn nhân ngày càng trầm trọng.

Nhận thấy hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai bên, yêu thương và có trách nhiệm quan tâm chăm sóc lẫn nhau, quá trình tiến hành các giai đoạn tố tụng tại Tòa án, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy ông L không tôn trọng cuộc sống hôn nhân này. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nh và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Nh xin ly hôn với ông L là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Nh được ly hôn với Nguyễn Văn Lớn.

[4] Về con chung: Bà và ông L có 02 người con chung tên Nguyễn Văn C (nam), sinh ngày: 12/3/1996 và Nguyễn Minh Kh (nam), sinh ngày: 06/5/2000, con chung đã trưởng thành nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Nh xác định không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[7] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nhung.

3. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Nh được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

4. Về con chung: Bà và ông L có 02 người con chung tên Nguyễn Văn C (nam), sinh ngày: 12/3/1996 và Nguyễn Minh Kh (nam), sinh ngày: 06/5/2000, đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự, đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về nợ chung: Bà Nh xác định không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

7. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000đồng. Chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí bà Nh đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012006 ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh H thành tiền án phí. Bà Nh đã nộp xong.

8. Các đương sự được vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thúy Hường